

V/v tranh chấp ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà N trình bày bổ sung: Vợ chồng sống ly thân khoảng 02 năm nay. Quá trình chung sống, hai người có hành vi bạo lực gia đình. Yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi người con tên Triệu V với mức cấp dưỡng theo pháp luật quy định. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình, xét xử vắng mặt đối với ông T; chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn đối với ông T. Về con chung, giao 02 người con cho bà N nuôi. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con tên Triệu V với mức cấp dưỡng theo pháp luật quy định. Về nghĩa vụ nộp án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông T được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T.

[2] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng, phù hợp với quy định của tố tụng dân sự.

[3] Bà N và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tuy ông T không có ý kiến, nhưng qua xác minh, xác định được 02 người đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người thường xuyên cự cãi, có hành vi bạo lực gia đình. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai người có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn đối với ông T.

[4] Các đương sự có 02 người con chung chưa đủ 07 tuổi hiện do bà N nuôi dạy. Bà N có yêu cầu được nuôi 02 người con chung trong khi phía ông T không có ý kiến, nên chấp nhận yêu cầu của bà N được nuôi 02 người con chung.

Bà N có yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 người con chung được chấp nhận. Buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Triệu V với mức cấp dưỡng hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu hiện hành là 695.000 đồng (sáu

trăm chín mươi lăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Triệu V đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp chậm thanh toán còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Các đương sự không có tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét.

[6] Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà N tạm ứng án phí được khấu trừ. Ông T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Tại phiên tòa: Bà N có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án; ông T vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 56, các điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.
2. Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.
3. Bà N được quyền tiếp tục nuôi 02 người con chung, gồm Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 20/10/2012 (giới tính: Nam) và Nguyễn Triệu V, sinh ngày 25/10/2014 (giới tính: Nam).
4. Ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Triệu V với mức cấp dưỡng hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu hiện hành là 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Triệu V đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
5. Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông T không chịu thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.
6. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.
7. Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà N nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005480 ngày 15/5/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ.
8. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

9. Bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế